

Bản án số: 1237/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 23/9/2020

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Huy Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Soan

2. Ông Phạm Nguyễn Anh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Thành Luân - Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1766/2019/HNST ngày 25 tháng 12 năm 2019, về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 231/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 205/2020/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Hồng A, sinh năm: 1978; Địa chỉ: Số 69/04C2 (số mới: 237/22/24) đường Phạm Văn Chiêu, Phường 14, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Hồng T, sinh năm: 1972; Địa chỉ: Số 69/04C2 (số mới: 237/22/24) đường Phạm Văn Chiêu, Phường 14, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt).

NHẬN THẤY:

Trong đơn khởi kiện ngày 10/12/2019 và các lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng A trình bày:

Bà và ông Nguyễn Hồng T chung sống với nhau từ năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thành Công, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống êm ấm, hạnh phúc. Tuy nhiên, kể từ đầu năm 2019, bà và ông T thường xuyên xảy ra những bất đồng không thể giải quyết được. Hai vợ chồng có sự khác biệt trong quan điểm, lối sống, mâu thuẫn từ những vấn đề nhỏ đến lớn, dẫn đến việc thường xuyên cãi vã, xúc phạm lẫn nhau nên tình cảm vợ chồng không còn, ngày càng xa cách không thể hàn gắn được. Hai bên đã nhiều lần ngồi lại trao đổi với nhau để tìm cách giải quyết mâu thuẫn, nhưng rồi mọi việc cũng không có kết quả, không tìm được tiếng nói chung. Vì vậy, mục đích hôn nhân không đạt được,

đời sống chung không thể kéo dài. Vợ chồng sống ly thân nên bà A khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Hồng T.

Về con chung: Có 02 con chung tên: Nguyễn Anh K, sinh ngày: 05/4/2006 và Nguyễn Anh Q, sinh ngày: 30/12/2010, bà A xin trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung. Không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, bà A trình bày vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông T; Bà A xin được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng; tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ ông Nguyễn Hồng T để tham gia xét xử nhưng ông T đều vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử như sau:

* Về tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm này thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 trong quá trình giải quyết vụ án về thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định đúng quan hệ tranh chấp; Tổng đạt cho các đương sự đúng quy định quy định tại Điều 175 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Tiến hành phiên hòa giải đúng quy định tại Điều 208 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Thời hạn chuẩn bị xét xử đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Quyết định đưa vụ án ra xét xử được thực hiện đúng theo quy định tại Điều 220 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Việc gửi Quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đảm bảo thời hạn theo quy định tại Khoản 2, Điều 220, Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

- Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

- Về chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, bị đơn chưa thực hiện đúng qui định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

* Về nội dung:

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Hồng A được ly hôn với ông Nguyễn Hồng T.

- Về con chung: Có 02 con chung tên: Nguyễn Anh K, sinh ngày: 05/4/2006 và Nguyễn Anh Q, sinh ngày: 30/12/2010, được giao cho bà A trực tiếp nuôi con đến khi trưởng thành. Ông T không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị Hồng A khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Nguyễn Hồng T, đây là quan hệ: “Tranh chấp ly hôn”. Bị đơn cư trú tại quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Hồng T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt ông T.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn số: 204 quyển số 02/2004 ngày 21/10/2004 tại Ủy ban nhân dân xã Thành Công, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang thể hiện hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Hồng A và ông Nguyễn Hồng T là quan hệ hôn nhân hợp pháp, nên phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Xét yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Hồng A, Hội đồng xét xử nhận thấy: Vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc nhau. Bà A trình bày giữa bà và ông T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn dẫn đến hay cãi vã nhau do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm về mọi mặt trong cuộc sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách. Bà A và ông T đã nhiều lần hàn gắn để giải quyết mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Điều này thể hiện quan hệ hôn nhân giữa bà A và ông T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Về phía ông T, Tòa án đã triệu tập ông T tham gia các phiên hòa giải nhằm tạo điều kiện cho bà A và ông T hàn gắn đoàn tụ, cùng nhau nuôi dạy con chung nhưng ông T không có thiện chí giải quyết những mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng và cũng không có ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của bà A.

Kết quả xác minh Hội liên hiệp phụ nữ Phường 14, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện: Bà A và ông T vẫn còn chung sống với nhau tại địa chỉ: Số 69/04C2 (số mới: 237/22/24) đường Phạm Văn Chiêu, Phường 14, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, tuy nhiên ông T không về thường xuyên. Quá trình chung sống, bà A và ông T phát sinh nhiều mâu thuẫn nhưng không rõ lý do. Hiện tại ông T vẫn đi về địa chỉ trên nhưng không thường xuyên và đã ly thân từ tháng 6/2019.

Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Thạch.

Về người trực tiếp nuôi con: Căn cứ vào giấy khai sinh số: 71 quyển số 01 ngày 21/4/2006 của Ủy ban nhân dân xã Thành Công, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang và giấy khai sinh số: 5 quyển số 01/2011 ngày 06/01/2011 của Ủy ban nhân dân Phường 14, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, xác định bà A và ông T có 02 con chung tên: Nguyễn Anh K, sinh ngày: 05/4/2006 và Nguyễn Anh Q, sinh ngày: 30/12/2010. Để ổn định tinh thần, không làm xáo trộn cuộc sống của 02 trẻ K và Q và

02 trẻ cũng có nguyện vọng được sống với mẹ. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà A, giao cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng 02 trẻ K và Q. Do bà A không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con, nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông T cho đến khi bà A có yêu cầu.

Ông T được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của trẻ, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà A không yêu cầu giải quyết trong vụ án này nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Bà A phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 59, Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp và quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng A.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Hồng A được ly hôn với ông Nguyễn Hồng T (Giấy chứng nhận kết hôn số: 204 quyển số 02/2004 do Ủy ban nhân dân xã Thành Công, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 21/10/2004 không còn giá trị).

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Hồng A là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung tên là: Nguyễn Anh K, sinh ngày: 05/4/2006 và Nguyễn Anh Q, sinh ngày: 30/12/2010. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho ông Nguyễn Hồng T cho đến khi bà A có yêu cầu.

Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con mà không ai được cản trở, tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ, người thân thích; cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, hội liên hiệp phụ nữ có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu

cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà A không yêu cầu giải quyết trong vụ án này nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Hồng A phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn đồng), cần trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm ngàn đồng) đồng bà A đã nộp theo biên lai thu số: AA/2019/0025355 ngày 25/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp. Bà A đã nộp xong án phí.

Về nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tp.HCM;
- VKSND quận Gò Vấp;
- Chi cục THADS quận Gò Vấp;
- Các đương sự;
- Lưu, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Huy Hoàng